

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN AN

Số: 105 /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Xuân An, ngày 10 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
tiêu chuẩn ISO 9001:2015

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ XUÂN AN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Công văn số 419/BKHCN-TĐC ngày 21/02/2018 về việc lộ trình chuyển đổi áp dụng ISO 9001:2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ xác nhận của Lãnh đạo UBND xã Xuân An về việc Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng có hiệu lực;

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo ISO xã Xuân An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng tại Ủy ban nhân dân xã Xuân An phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015 đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Ban chỉ đạo ISO áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- UBND Thị xã An Khê (để báo cáo);
- Sở KH-CN;
- CC-TĐC;
- TT-TĐC;
- Lưu: VP, Ban ISO.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Lai

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND XÃ XUÂN AN
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 105/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018
của UBND xã Xuân An)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu
1.	ISO 9001:2015 – Hệ thống quản lý chất lượng	HTQLCL
2.	Chính sách chất lượng	CSCL
3.	Mục tiêu chất lượng của UBND và cấp bộ phận	MTCL
4.	Quy trình kiểm soát tài liệu	QT 01
5.	Quy trình kiểm soát hồ sơ	QT 02
6.	Quy trình đánh giá chất lượng nội bộ	QT 03
7.	Quy trình họp xem xét của Lãnh đạo	QT 04
8.	Quy trình phân tích và đánh giá rủi ro	QT 05
9.	Quy trình theo dõi đo lường sự thỏa mãn khách hàng	QT 06
10.	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	QT 07
11.	Quy trình thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục	QT 08
12.	Quy trình sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục	QT 09
13.	Quy trình giải thể hoạt động nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục	QT 10
14.	Quy trình thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT 11
15.	Quy trình sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT 12
16.	Quy trình giải thể hoạt động nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT 13
17.	Quy trình tiếp công dân	QT 14
18.	Quy trình xử lý đơn thư	QT 15
19.	Quy trình giải quyết khiếu nại lần đầu	QT 16
20.	Quy trình giải quyết tố cáo	QT 17
21.	Quy trình xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật	QT 18
22.	Quy trình đổi, cấp lại giấy xác nhận khuyết tật	QT 19
23.	Quy trình xét trợ cấp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT 20
24.	Quy trình hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT 21

25.	Quy trình trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	QT 22
26.	Quy trình trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT 23
27.	Quy trình bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT 24
28.	Quy trình giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	QT 25
29.	Quy trình giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT 26
30.	Quy trình giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT 27
31.	Quy trình giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT 28
32.	Quy trình giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT 29
33.	Quy trình giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	QT 30
34.	Quy trình giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng Liệt sĩ	QT 31
35.	Quy trình thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công và con của họ	QT 32
36.	Quy trình hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QT 33
37.	Quy trình mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	QT 34
38.	Quy trình giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	QT 35
39.	Quy trình giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân	QT 36
40.	Quy trình giải quyết hồ sơ trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần	QT 37
41.	Quy trình xác nhận đề nghị giải quyết chế độ một lần đối với dân quân tập trung ở miền bắc, du kích tập trung ở miền nam (bao gồm cả lực lượng mật) đã về gia đình.	QT 38
42.	Quy trình thực hiện chế độ một lần đối với hạ sỹ quan, chiến sỹ quân đội, công an, thanh niên xung phong, cán bộ dân chính đảng tham gia chiến đấu, hoạt động ở chiến trường B, C, K	QT 39
43.	Quy trình thực hiện chế độ một lần đối với quân nhân, công an nhân dân, công nhân viên chức trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và nhà nước.	QT 40
44.	Quy trình đề nghị khen tặng, truy tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng	QT 41

45.	Quy trình xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ, đơn đề nghị viếng thăm mộ liệt sĩ.	QT 42
46.	Quy trình Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	QT 43
47.	Quy trình đề nghị cấp lại bằng tổ quốc ghi công	QT 44
48.	Quy trình thủ tục trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng	QT 45
49.	Quy trình thủ tục trợ cấp đột xuất cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT 46
50.	Quy trình tiếp nhận đối tượng xã hội vào cơ sở BTXH thuộc Sở LĐTB &XH tỉnh Gia Lai	QT 47
51.	Quy trình tiếp nhận, thẩm định hồ sơ điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng BTXH.	QT 48
52.	Quy trình tiếp nhận hồ sơ đề nghị chi trả trợ cấp hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT 49
53.	Quy trình đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QT 50
54.	Quy trình hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	QT 51
55.	Quy trình tặng giấy khen của Chủ tịch UBND về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT 52
56.	Quy trình tặng giấy khen của Chủ tịch UBND về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT 53
57.	Quy trình tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cho tập thể, cá nhân (khen thưởng đột xuất)	QT 54
58.	Quy trình tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT 55
59.	Quy trình chấp thuận việc tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo	QT 56
60.	Quy trình đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT 57
61.	Quy trình đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT 58
62.	Quy trình đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QT 59
63.	Quy trình đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT 60
64.	Quy trình thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT 61
65.	Quy trình thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT 62
66.	Quy trình thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối	QT 63

	với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	
67.	Quy trình đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QT 64
68.	Quy trình chứng thực bản sao từ bản chính	QT 65
69.	Quy trình cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp, giao dịch được chứng thực	QT 66
70.	Quy trình chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	QT 67
71.	Quy trình đăng ký nhận nuôi con nuôi	QT 68
72.	Quy trình đăng ký lại việc nhận nuôi con nuôi	QT 69
73.	Quy trình ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng	QT 70
74.	Quy trình công nhận Gia đình văn hóa	QT 71
75.	Quy trình thành lập Tổ hợp tác	QT 72
76.	Quy trình cho người nghiện ma túy được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng	QT 73
77.	Quy trình công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT 74
78.	Quy trình bầu hòa giải viên	QT 75
79.	Quy trình bầu tổ trưởng tổ hòa giải	QT 76
80.	Quy trình thôi làm hoà giải viên	QT 77
81.	Quy trình thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT 78
82.	Quy trình công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QT 79
83.	Quy trình cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	QT 80
84.	Quy trình giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	QT 81
85.	Quy trình chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường	QT 82
86.	Quy trình trả lại tài sản	QT 83
87.	Quy trình chi trả tiền bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	QT 84
88.	Quy trình giải quyết khiếu nại về bồi thường Nhà nước lần đầu	QT 85
89.	Quy trình đăng ký khai sinh	QT 86
90.	Quy trình đăng ký kết hôn	QT 87
91.	Quy trình đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT 88
92.	Quy trình đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT 89

93.	Quy trình đăng ký khai tử	QT 90
94.	Quy trình đăng ký khai sinh lưu động	QT 91
95.	Quy trình đăng ký kết hôn lưu động	QT 92
96.	Quy trình đăng ký khai tử lưu động	QT 93
97.	Quy trình đăng ký giám hộ	QT 94
98.	Quy trình đăng ký chấm dứt giám hộ	QT 95
99.	Quy trình thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	QT 96
100.	Quy trình cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT 97
101.	Quy trình đăng ký lại khai sinh	QT 98
102.	Quy trình đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT 99
103.	Quy trình đăng ký lại kết hôn	QT 100
104.	Quy trình đăng ký lại khai tử	QT 101
105.	Quy trình cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT 102
106.	Quy trình đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi	QT 103
107.	Quy trình đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế, đăng ký thường trú cho trẻ em dưới 06 tuổi	QT 104
108.	Quy trình đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; hạn chế quyền sử dụng đất, thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	QT 105
109.	Quy trình đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện	QT 106